

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 8 – 2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh H

Bà Nguyễn Thị Rạt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 370/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2020/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Nguyễn Thùy A, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Bàu Công, xã Tân M, huyện ĐH, tỉnh LA.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Chị A có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Võ Nguyễn Thùy A trình bày: Chị và anh Phạm Văn H là vợ chồng cưới nhau từ năm 2013, đến ngày 02/12/2013 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Hậu Nghĩa, huyện ĐH, tỉnh LA cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung,

chung sống không hạnh phúc, anh H không quan tâm lo lắng cho chị. Chị và anh H đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh H có 01 con chung tên Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 01/01/2015, con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị A xác định chị và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị A xác định chị và anh H không có nợ ai.

Bị đơn anh Phạm Văn H được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc chị A yêu cầu được ly hôn với anh H, nhưng anh H vẫn vắng mặt không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của chị A.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Nguyễn Thùy A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn H. Anh H hiện đang cư trú tại thị trấn Hậu Nghĩa, huyện ĐH, tỉnh LA. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là chị Võ Nguyễn Thùy A có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là anh Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Võ Nguyễn Thùy A:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Võ Nguyễn Thùy A và anh Phạm Văn H tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 196/2013 đăng ký ngày 02/12/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn Hậu Nghĩa, huyện ĐH, tỉnh LA cấp, nên xác định hôn nhân giữa chị A và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa chị A và anh H đã phát sinh mâu thuẫn với

những nguyên nhân do chị A trình bày. Anh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc chị An yêu cầu được ly hôn với anh H tại Tòa án, nhưng anh H vẫn không có ý kiến, luôn vắng mặt, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm giữa chị A và anh H là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc chị A cương quyết ly hôn với anh H là có cơ sở, nên chấp nhận cho chị Võ Nguyễn Thùy A được ly hôn với anh Phạm Văn H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...”. Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 01/01/2015 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của con chung muốn sống với ai. Anh H luôn vắng mặt, nên các bên không thể thỏa thuận việc nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại con chung đang do chị A trực tiếp nuôi dưỡng và đang có cuộc sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần giao cháu Phạm Quỳnh Anh cho chị A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản chung: Do anh H cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Ghi nhận chị A xác định không có tài sản chung, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Do anh H cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Ghi nhận chị A xác định không có nợ chung, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc chị Võ Nguyễn Thùy A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Nguyễn Thùy A.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Nguyễn Thùy A được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Nguyễn Thùy A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 01/01/2015. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị A không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Võ Nguyễn Thùy A phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005176 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh LA. Chị A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh H không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án,

bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- VKSND huyện DH;
- Chi cục THADS huyện DH;
- UBND thị trấn Hậu Nghĩa; *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Quốc